

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 -11- 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Giang

2. Ông Dương Hải Tiến

-Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Hoàng Quyên - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L - sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 1, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 3, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.(Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 03/01/2017 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T tại khu 3, xã H, thị xã P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên thường xảy ra cãi nhau. Đến tháng 8/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã về nhà bố, mẹ đẻ ở khu 1, xã H, thị xã P để ở. Từ đó đến nay, vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Nay tình

cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

-Về con chung: Vợ chồng không có con chung

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Bích L ngày 03/01/2017, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P. Sau khi kết hôn, chị L có về chung sống cùng gia đình anh tại khu 3, xã H, thị xã P và không đem bất kỳ đồ đạc, tài sản gì về gia đình anh. Sau khi cưới chị L đi làm luôn ở Hà Nội, sau đó chuyển về khu công nghiệp Thụy Vân, rồi chuyển sang khu công nghiệp ở Bắc Ninh. Thỉnh thoảng chị L mới về nhà. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn, sau đó chị L không quan tâm đến gia đình anh, không quan tâm đến anh. Chị thường xuyên về nhà đẻ mà không về nhà anh. Nay chị L xin ly hôn, quan điểm của anh cũng đồng ý ly hôn, mặc dù anh đã cố gắng níu kéo nhưng không được nên anh đồng ý ly hôn để giải phóng tư tưởng.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Điều không có.

Do điều kiện không đến Tòa án giải quyết, xét xử được, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn T có mặt tại Trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải việc chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn T.

-Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Hai bên trình bày không có nên không xem xét.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn T có mặt để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 03/01/2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Đây là cuộc hôn nhân tự do tiến bộ và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Từ tháng 8/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã về nhà bố, mẹ đẻ ở khu 1, xã H, thị xã P sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không quan tâm đến nhau. Nay cả hai bên đương sự xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đã cố gắng níu kéo nhưng không có kết quả nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do vậy, Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi xin ly hôn anh T của chị L là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Hai bên trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002327 ngày 13/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Nguyễn Thị Bích L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã,
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Hà Thạch;
- Lưu hồ sơ (2bản);
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thu Hiền